

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Song Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Phước và bà Nguyễn Hồng Lành

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Văn Cung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2020/TLST- HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc ***“Tranh chấp ly hôn ”*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn: Chị Lê Thị V, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.*

- *Bị đơn: Anh Dương Thanh M, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.*

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/6/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Thanh M chung sống với nhau vào năm 1998, hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Sau thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị và anh M đã ly thân với nhau từ năm 2013 cho đến nay.

Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung tên Dương Sĩ Đ, sinh ngày 01/01/1999 và Dương In Đ, sinh ngày 01/01/2001 hiện các con chung đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Dương Thanh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt không có lý do.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

+ Về tố tụng:

Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn.

+ Về nội dung:

Chị V và anh M chung sống với nhau vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn, do vậy hôn nhân là không hợp pháp. Căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét, không công nhận chị V và anh M là vợ chồng; Về con chung: Các người con đã trưởng thành nên không đặt ra; Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị V yêu cầu ly hôn với anh M và anh M có địa chỉ tại huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và đã được Tòa án chấp nhận, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, chị V và anh M chung sống với nhau vào năm 1998, hôn nhân được xây dựng trên tinh thần tự nguyện, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật nên hôn nhân không hợp pháp. Căn cứ điểm c, Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 của Quốc Hội và Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận chị V và anh M là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị V và anh M có 02 người con chung, tuy nhiên vào thời điểm xét xử các con chung đã trưởng thành và các bên không đặt ra yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và nợ: Chị V và anh M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp thì được giải quyết thành vụ kiện chia tài sản sau ly hôn.

[6] Với những phân tích trên xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị V nộp theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238; Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị V và anh Dương Thanh M là vợ chồng.

2. Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Buộc chị Lê Thị V nộp 300.000đ. Chị V đã dự nộp 300.000đ theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009457 ngày 29/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị V và anh Dương Thanh M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Kiều Song Toàn